

Số: /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai Chỉ thị số 10-CT/TW và Kế hoạch số 51-KH/TU đối với công tác khí tượng thủy văn gắn với thực hiện một số nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 02/11/2021 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác khí tượng thủy văn (KTTV) gắn với một số nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Xác định, cụ thể hóa các nhiệm vụ chủ yếu, trọng tâm, khả thi trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác KTTV đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 02/11/2021 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác KTTV đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đảm bảo đồng bộ với việc tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển Ngành KTTV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 1970/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về phát triển kinh tế - xã hội có liên quan của Trung ương gắn với triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh một cách sâu rộng theo lộ trình có kiểm soát, phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực, tạo cơ sở cho việc chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác KTTV.

2. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, phát huy tính chủ động trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương về tầm quan trọng của công tác KTTV trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc triển khai Kế hoạch phải tạo ra sự kết nối, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ về chủ trương chính sách, nguồn lực, kế hoạch thực hiện và vận hành kinh tế xã hội phù hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương và với Trung ương.

3. Tạo cơ sở cho các cấp, các ngành hoạch định đúng, kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; yêu cầu phát huy tối đa vai trò, trách nhiệm trong việc huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực liên quan công tác

KTTV, biến đổi khí hậu (BĐKH), phòng chống thiên tai, đảm bảo an ninh quốc phòng.

4. Cùng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo KTTV, giám sát BĐKH và cung cấp thông tin dữ liệu cụ thể cho từng ngành, từng lĩnh vực, từng đơn vị địa phương phục vụ phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

5. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về KTTV bảo đảm điều chỉnh toàn diện các đối tượng, phạm vi, loại hình hoạt động, tính liên thông giữa các sở, ban, ngành và UBND các cấp.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN.

1. Một số nhiệm vụ, nội dung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác KTTV.

- Thường xuyên phổ biến pháp luật và kiến thức về KTTV, BĐKH cho toàn bộ hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp. Đảm bảo nhiệm vụ của các cấp, ngành, lĩnh vực và địa phương gắn liền với với chỉ đạo của tổ chức Đảng và cấp ủy Đảng cùng cấp trong việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, Kế hoạch số 51-KH/TU. Việc tuyên truyền phải đa dạng hóa về phương pháp, hình thức đáp ứng mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra.

- Công tác KTTV ở các cấp, ngành, lĩnh vực và địa phương được tiến hành một cách khoa học, đồng bộ, phù hợp thực tiễn và hiệu quả sẽ chiếm vị trí rất quan trọng trong dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát, đánh giá khí hậu, thích ứng với BĐKH, góp phần đảm bảo an toàn cho đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng - an ninh.

- Thông tin, dữ liệu KTTV là cơ sở quan trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Các tổ chức cá nhân khi bắt đầu triển khai xây dựng các quy hoạch, chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ phải lồng ghép nội dung KTTV, BĐKH theo quy định; dữ liệu KTTV sử dụng phải có nguồn gốc hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp và xác nhận. Đối với những nội dung KTTV, BĐKH quan trọng có ảnh hưởng đến việc quyết định đầu tư; hoặc có độ phức tạp cao; hoặc liên quan nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều khu vực phải có ý kiến chuyên môn của Hội đồng thẩm định chuyên môn lĩnh vực KTTV, BĐKH của tỉnh kiểm soát đảm bảo: khoa học, chính xác, thống nhất, khả thi, hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực, phù hợp thực tiễn và tuân thủ pháp luật.

- Cảnh báo kịp thời, ngăn chặn việc lợi dụng hoạt động KTTV để thu thập thông tin bí mật Quốc gia, gây rối loạn trật tự an toàn xã hội, chống phá Đảng và Nhà nước. Thông tin, dữ liệu KTTV được trao đổi thuộc phạm vi bí mật Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước. Việc trao đổi thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH có yếu tố nước ngoài phải tuân thủ Nghị định số 38/2016/ NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật KTTV.

- Tăng cường chủ động phòng ngừa, định hướng thông tin báo chí, mạng xã hội và dư luận liên quan KTTV để tránh tiêu cực đến niềm tin của nhân dân,

đến mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh và trong các đợt thiên tai xảy ra trên địa bàn.

- Làm rõ tầm quan trọng của sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ban, ngành, địa phương và sự cần thiết phải tập trung vào một cơ quan đầu mối quản lý để nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước lĩnh vực KTTV nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo có nguy cơ gây lãng phí, chất lượng và hiệu quả thấp.

2. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, thông tin, dữ liệu và nâng cao năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo KTTV, giám sát BĐKH.

- Thường xuyên cập nhật, nắm bắt diễn biến thời tiết kịp thời cảnh báo cho nhân dân và doanh nghiệp chủ động phòng, tránh nhất là các vùng có nguy cơ cao như hạ du hồ chứa nước, vùng ven biển, vùng trũng thấp, đất trồng lúa, vùng ven sông, suối có nguy cơ sạt lở, lũ quét, các khu vực có đông dân cư..vv..

- Rà soát, lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng và công trình cần quan trắc KTTV trên địa bàn tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đủ mật độ, hiện đại, độ chính xác cao. Đặc biệt ưu tiên phát triển tại các khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, chịu tác động lớn của BĐKH, khu vực ven biển nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng rộng rãi thông tin, dữ liệu KTTV của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Thời gian hoàn thành lập kế hoạch trước năm 2024.

- Trước năm 2030 phải hoàn thành việc củng cố, nâng cấp, hiện đại hóa các trạm đã có và xây dựng mới các trạm KTTV chuyên dùng gắn liền với lồng ghép các nội dung quan trắc tài nguyên và môi trường theo hướng tự động hóa. Những công trình cần quan trắc KTTV hoàn thành theo lộ trình do các cơ quan quản lý chuyên ngành đơn đốc. Các trạm cảnh báo lũ đầu nguồn, trạm đo mưa vv...thực hiện theo đề xuất của sở quản lý chuyên ngành. Riêng việc cấm mốc giới và công khai mốc giới hành lang kỹ thuật công trình KTTV thực hiện theo lộ trình đầu tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ cho công tác KTTV theo hướng hiện đại, đồng bộ, tự động hoá, tích hợp đa mục tiêu quan trắc thực hiện song song cùng việc triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Tỉnh ủy về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chậm nhất đến ngày 01/6/2022 triển khai việc quan trắc thu nhận, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV đối với các công trình theo quy định tại Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/ NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật KTTV, cụ thể là: các trạm KTTV chuyên dùng; đập, hồ chứa nước; bến cảng; cầu có khẩu độ thông thuyền từ 500 mét trở lên, tuyến đường cao tốc tại khu vực thường xuyên có thời tiết nguy hiểm (nếu có); cảng thủy nội địa tổng hợp vv... Riêng Vườn quốc gia Vũ Quang; tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình, cáp treo phục vụ hoạt động tham quan, du lịch chậm

nhất quý IV năm 2022 phải lắp đặt thiết bị và quan trắc thu nhận, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV.

- Từng bước triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV kết nối với hệ thống trạm và công trình có quan trắc KTTV theo thời gian thực.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, hỗ trợ Đài Khí tượng thủy văn tỉnh hoàn thiện phương pháp, quy trình dự báo, cảnh báo thiên tai, BĐKH phù hợp thực tiễn, bảo đảm chia sẻ, cung cấp đầy đủ, kịp thời, tin cậy, chính xác thông tin dữ liệu KTTV, đặc biệt là thông tin, dữ liệu về nguy cơ xảy ra các hiện tượng KTTV nguy hiểm, bất thường có thể ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường và đời sống dân sinh. Thời gian hoàn thành trước Quý I năm 2023

- Hoàn thành công tác đánh giá khí hậu, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh trong năm 2022.

- Ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn tỉnh quản lý. Thời gian hoàn thành trước năm 2024.

- Từng bước triển khai xây dựng, tích hợp “Bản đồ ngập lụt lưu vực sông theo thời gian thực” kết nối quan trắc tự động và xử lý dữ liệu theo thời gian thực từ dữ liệu các trạm quan KTTV, quan trắc công trình; lồng ghép đưa việc lập Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập vào “Bản đồ ngập lụt lưu vực sông theo thời gian thực” để tránh đầu tư lãng phí và giải quyết khiếm khuyết là Bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ chứa nước không đủ cơ sở để phản ánh toàn diện ngập lụt do mưa trong chính lưu vực hạ du. Thời gian hoàn thành trước năm 2030.

3. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách về công tác KTTV.

- Từng bước hoàn thiện các quy định pháp luật, cơ chế chính sách theo thẩm quyền về lĩnh vực KTTV, BĐKH của tỉnh một cách toàn diện, đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan, phù hợp thực tiễn và kịp thời theo chỉ đạo của Trung ương, đảm bảo có đủ công cụ và chế tài quản lý lĩnh vực KTTV đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tham gia cung cấp tình hình thực tế, các nội dung bất cập giữa pháp luật chuyên ngành với pháp luật về KTTV và đề xuất các giải pháp làm cơ sở cho Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện dự thảo sửa đổi Luật KTTV.

- Song hành với lộ trình ban hành các định mức KTTV, BĐKH của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện xây dựng đơn giá, tiêu chuẩn phục vụ triển khai nhiệm vụ KTTV và công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống trạm KTTV, công trình phải quan trắc KTTV của tỉnh.

- Điều chỉnh theo quy định chế độ, chính sách thỏa đáng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác KTTV, nhất là ở những vùng khó khăn gắn với các chủ trương chính sách của tỉnh.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác KTTV.

- Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành KTTV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm cụ thể, trách nhiệm phối hợp của từng cơ quan, tổ chức liên quan tránh chồng chéo, trùng lắp, bỏ sót nhiệm vụ; củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác KTTV, gắn với đổi mới phương thức hoạt động hiệu quả theo đề án vị trí việc làm.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ công chức, viên chức, người lao động làm công tác KTTV theo vị trí việc làm bảo đảm từng bước chuyên nghiệp, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

- Tổ chức rà soát, lập danh sách các đơn vị, tổ chức, cá nhân hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV trên địa bàn tỉnh trong năm 2022, theo đó kiện toàn theo hướng đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện thủ tục hành chính cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV theo thẩm quyền.

- Lập danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc KTTV theo quy định.

- Xây dựng quy trình khai thác, sử dụng dữ liệu, xác nhận nguồn gốc của thông tin, dữ liệu KTTV theo quy định và cơ chế chia sẻ, kết nối thông tin giữa cơ quan KTTV với các sở, ban, ngành, đoàn thể và các doanh nghiệp; giữa tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố, đảm bảo vận hành công tác quản lý nhà nước thông suốt, hiệu quả; thời gian hoàn thành trước Quý IV năm 2023.

- Đảm bảo mục tiêu, nội dung của các quy hoạch, chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ có liên quan KTTV, BDKH phải căn cứ luận cứ khoa học do đơn vị chuyên môn đưa ra và có tính khả thi, dễ áp dụng, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn; đồng thời phải có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về KTTV làm cơ sở để xác định nhu cầu về nguồn lực phục vụ nhiệm vụ.

- Lồng ghép vào các chuyên đề, lớp học để phổ biến kiến thức cơ bản về KTTV, thích ứng với BDKH cho sinh viên, học sinh các cấp, học viên các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh. Thời gian triển khai bắt đầu từ năm 2022.

- Triển khai các biện pháp an ninh đối với các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ công tác KTTV nhập khẩu từ nước ngoài đảm bảo an ninh Quốc gia và hệ thống cơ sở dữ liệu KTTV lưu giữ trên nền tảng đó. Ngăn chặn việc nhập khẩu những thiết bị, công nghệ lạc hậu có nguy cơ gây mất an toàn thông tin và giảm hiệu quả của thông tin KTTV. Thời gian đưa ra các biện pháp an ninh hoàn thành năm 2022.

- Thực hiện đảm bảo đúng quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác KTTV trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Gán trách nhiệm cho người đứng đầu trong việc chấp hành pháp luật KTTV, BDKH đảm bảo việc thực hiện Kế hoạch này khả thi, hiệu quả.

- Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về KTTV. Thực hiện lồng ghép nội dung thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về KTTV,

BĐKH theo hướng giảm thiểu số lượng cuộc thanh tra, kiểm tra nhưng vẫn đảm bảo chất lượng giám sát thi hành pháp luật.

5. Đảm bảo nguồn lực cho công tác KTTV.

- Huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Kết hợp nguồn lực từ ngân sách Nhà nước với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong nước và ngoài nước, nhất là các nguồn vốn ưu đãi quốc tế; ưu tiên bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn hằng năm và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo duy trì, vận hành hoạt động của mạng lưới trạm quan trắc, triển khai các nhiệm vụ và công tác Quản lý nhà nước về KTTV.

- Từng bước xã hội hoá, tạo môi trường thuận lợi thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia và phát triển thị trường dịch vụ KTTV đáp ứng nhu cầu của các ngành, lĩnh vực; triển khai một số sản phẩm, dịch vụ theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát tập trung giải quyết dứt điểm các dự án liên quan BĐKH trong năm 2022; đánh giá hiệu quả thực hiện làm cơ sở cho việc triển khai đầu tư các dự án tiếp theo.

6. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy hợp tác trong công tác KTTV.

- Mở rộng hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ quan trắc, đo đạc, thăm dò, chia sẻ thông tin, dữ liệu KTTV theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Trung ương.

- Tham gia cùng với các cơ quan Trung ương góp phần thực hiện tốt công tác KTTV trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc triển khai: Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên và môi trường Quốc gia giai đoạn 2016- 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1258/QĐ-BTNMT ngày 05/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn; di dời Đài KTTV tỉnh (*nếu được thực hiện*) và các đề án, dự án, các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm về KTTV, BĐKH. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác KTTV phục vụ phát triển bền vững.

- Thiết lập kênh trao đổi thông tin, dữ liệu KTTV, kinh nghiệm với các tỉnh nhằm nâng cao năng lực, trình độ và độ tin cậy cho các dự báo KTTV.

(Chi tiết một số nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

a) Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTV và giám sát BĐKH.

- Tham mưu hoàn thiện các quy định pháp luật, cơ chế chính sách theo thẩm quyền tỉnh và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành KTTV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tham mưu quyết định thành lập “Hội đồng thẩm định chuyên môn lĩnh vực Khí tượng thủy văn, Biến đổi khí hậu tỉnh Hà Tĩnh” giúp chính quyền địa phương “Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp” theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 7 Điều 17, khoản 6 Điều 24 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng. Lập danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc KTTV. Đôn đốc việc hiện đại hóa và xây dựng trạm KTTV chuyên dùng.

- Thu nhận thông tin, dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV; triển khai công tác đánh giá khí hậu, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH; xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ; xây dựng đơn giá công tác KTTV theo thẩm quyền.

- Xây dựng cơ chế phối hợp; chia sẻ, kết nối thông tin KTTV trong tỉnh. Phối hợp Đài KTTV tỉnh hoàn thiện phương pháp, quy trình dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát BĐKH.

- Hướng dẫn việc cung cấp, xác nhận nguồn gốc của thông tin dữ liệu, sử dụng hợp pháp dữ liệu KTTV.

- Quán triệt, hướng dẫn việc lồng ghép, sử dụng nội dung thông tin dữ liệu KTTV, BĐKH trong việc xây dựng các quy hoạch, chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ liên quan KTTV, BĐKH.

- Có ý kiến với mục tiêu của các quy hoạch, chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ có liên quan KTTV, BĐKH làm cơ sở để xác định giải pháp và nhu cầu về nguồn lực thực hiện.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường dịch vụ KTTV. Lập danh sách các đối tượng hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV. Thực hiện thủ tục hành chính về giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV.

- Đề xuất chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ công chức, viên chức, người lao động làm công tác KTTV.

- Làm đầu mối đảm bảo công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương. Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan rà soát phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm và sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTV.

- Mở rộng hợp tác trong nghiên cứu, thiết lập kênh trao đổi thông tin, dữ liệu KTTV và kinh nghiệm với các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình.

- Tranh thủ hỗ trợ của Trung ương trong việc nâng cấp kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện, hệ thống thông tin liên lạc gắn với chiến lược chuyển đổi số.

- Phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc di dời Đài KTTV tỉnh, triển khai các dự án thuộc Chiến lược phát triển ngành KTTV và các Quyết định số 90/QĐ-TTg, số 1258/QĐ-BTNMT.

- Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật KTTV và BDKH trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu xử lý một số nội dung không thuộc nhiệm vụ đã giao các sở, ban, ngành và nhiệm vụ phát sinh theo chức năng nhiệm vụ.

b) Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn.

- Chỉ đạo rà soát tập trung giải quyết dứt điểm các dự án liên quan BDKH thuộc ngành đang dở dang (nếu có) và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đôn đốc, chỉ đạo việc việc lắp đặt thiết bị quan trắc, cung cấp, xác nhận thông tin dữ liệu KTTV đối với các công trình phải quan trắc KTTV thuộc đối tượng quản lý của ngành.

- Theo dõi diễn biến của thời tiết tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao để kịp thời cảnh báo cho chính quyền và người dân chủ động ứng phó kịp thời.

c) Sở Công thương.

- Đôn đốc, chỉ đạo việc lắp đặt thiết bị quan trắc, cung cấp, xác nhận thông tin dữ liệu KTTV chuyên dùng đối với các công trình phải quan trắc KTTV thuộc đối tượng quản lý của ngành.

d) Sở Giao thông Vận tải.

- Đôn đốc, chỉ đạo việc lắp đặt thiết bị quan trắc, cung cấp, xác nhận thông tin dữ liệu KTTV chuyên dùng đối với các công trình phải quan trắc KTTV (nếu có) thuộc đối tượng quản lý của ngành.

đ) Sở Văn hóa thể thao và du lịch.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc lắp đặt thiết bị quan trắc, cung cấp, xác nhận thông tin dữ liệu KTTV đối với các công trình phải quan trắc KTTV như cáp treo; tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình.

e) Sở Xây dựng.

- Kiểm soát, yêu cầu chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV có nguồn gốc hợp pháp phục vụ lập quy hoạch xây dựng, dự án xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh đảm bảo chống ngập lụt và đối phó với thời tiết cực đoan, đặc biệt là các dự án xây dựng phát sinh kinh phí do yếu tố KTTV và BDKH.

g) Sở Nội vụ.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát phân công, phân cấp chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực KTTV; rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác KTTV.

h) Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tham gia thẩm định các nội dung khoa học công nghệ theo thẩm quyền liên quan lĩnh vực KTTV và BDKH trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát các biện pháp an ninh đối với các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ công tác KTTV, hệ thống cơ sở dữ liệu KTTV lưu giữ trên nền tảng đó.

i) Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Tham mưu huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả và ưu tiên ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác, đảm bảo kinh phí triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

- Kiểm soát việc sử dụng đúng nguồn thông tin, dữ liệu KTTV có nguồn gốc hợp pháp và việc thực hiện điều tra, khảo sát điều kiện KTTV trong các quy hoạch, chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ của ngành. Đối với nội dung đầu tư cho việc ứng phó, phòng chống, khắc phục do nguyên nhân yếu tố KTTV, BĐKH gây ra, trước khi tham mưu phải phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thẩm định luận cứ khoa học về tác động của KTTV, BĐKH làm phát sinh sự cần thiết phải triển khai dự án.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu triển khai một số sản phẩm, dịch vụ KTTV theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh.

j) Sở Tài chính.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn kinh phí thường xuyên thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

k) Sở Giáo dục và Đào tạo và các và các tổ chức đào tạo liên quan.

Chỉ đạo và lồng ghép vào các hoạt động giáo dục: chuyên đề, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ chính khóa để phổ biến kiến thức cơ bản về KTTV, thích ứng với BĐKH phù hợp với đặc điểm của vùng miền cho học sinh, học viên.

l) Sở Lao động Thương binh và xã hội.

Soát xét, điều chỉnh chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác KTTV trên địa bàn tỉnh.

m) Sở Thông tin và Truyền thông.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền hình địa phương và phóng viên thường trú của truyền hình Trung ương trên địa bàn tỉnh, hệ thống truyền thanh, truyền hình cấp huyện, truyền thanh cấp xã thực hiện tuyên truyền pháp luật KTTV và truyền tin thiên tai theo Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương liên quan, định hướng, làm rõ về tầm quan trọng của sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ngành, địa phương trong công tác KTTV.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông trong công tác KTTV; triển khai các giải pháp, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với hoạt động hệ thống KTTV khi có yêu cầu.

n) Công an tỉnh, BCH Quân sự tỉnh, Hải quan Hà Tĩnh.

Theo chức năng nhiệm vụ:

- Thường xuyên cập nhật văn bản về KTTV, BĐKH và các nguy cơ nguy hiểm, bất thường do các loại hình KTTV gây ra để chủ động triển khai hiệu quả các phương án ứng phó.

- Cảnh báo kịp thời, ngăn chặn việc lợi dụng hoạt động KTTV để thu thập thông tin bí mật quốc gia, gây rối loạn trật tự an toàn xã hội, chống phá Đảng và Nhà nước.

- Xây dựng các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự, chủ động phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm lợi dụng thiên tai, BĐKH để phạm tội và vi phạm pháp luật; phối hợp các đơn vị liên quan bảo đảm an toàn các công trình, phương tiện, máy móc, trang thiết bị dùng trong KTTV; ngăn chặn việc nhập khẩu những thiết bị, công nghệ có nguy cơ gây mất an toàn thông tin và giảm hiệu quả của thông tin KTTV.

- Lồng ghép vào các chuyên đề, lớp học để phổ biến kiến thức cơ bản về KTTV cho học viên các lớp đào tạo.

o) Thanh tra tỉnh.

Tổ chức thanh tra thực hiện quy định chính sách, pháp luật về KTTV, các dự án thuộc giải pháp công trình khắc phục, ứng phó, phòng chống thiên tai cực đoan do yếu tố KTTV, BĐKH khi được giao.

p) Cơ quan thuế các cấp.

Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xây dựng và triển khai các quy định về thuế phí liên quan lĩnh vực KTTV.

q) Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh.

Chỉ đạo việc lắp đặt thiết bị quan trắc, cung cấp, xác nhận thông tin dữ liệu KTTV chuyên dùng đối với bến cảng theo quy định.

r) Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

Rà soát tập trung giải quyết dứt điểm các dự án liên quan BĐKH theo Kế hoạch này báo cáo cơ quan có thẩm quyền và Sở Tài nguyên và Môi trường.

s) Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết để cảnh báo cho chính quyền và người dân chủ động các biện pháp phòng tránh, nhất là các vùng có nguy cơ cao như hạ du hồ chứa nước, ven biển, vùng trũng thấp, đất trồng lúa, vùng ven sông, suối có nguy cơ sạt lở, lũ quét, các khu vực có đông dân cư.

- Sử dụng các thông tin KTTV và quy định về mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ đảm bảo hiệu quả.

t) Đài Khí tượng Thủy văn Hà Tĩnh.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, xây dựng các công cụ dự báo có chất lượng phục vụ cho công tác dự báo, cảnh báo KTTV trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện quan trắc, đo đạc, theo dõi chặt chẽ, tích hợp thông tin KTTV từ các nguồn, điều tra khảo sát sau thiên tai, cập nhật, xử lý và cung cấp thông tin dự báo kịp thời về tình hình thời tiết, mực nước báo động lũ trên các sông, cấp độ rủi ro thiên tai và các nguy cơ xảy ra các hiện tượng KTTV nguy hiểm, bất thường có thể ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường ...vv, bảo đảm thông suốt, liên tục, kịp thời, có độ tin cậy cao.

- củng cố, nâng cấp và hiện đại hóa các trạm quan trắc KTTV đã có; tranh thủ nguồn lực Trung ương đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, phương

tiện, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ cho công tác KTTV theo hướng hiện đại, đồng bộ, tự động hoá. Phối hợp với địa phương về phương án di dời Đài KTTV tỉnh ra khỏi nội thị TP Hà Tĩnh (nếu có).

- Chủ trì và phối hợp cơ quan có liên quan xây dựng, trình phê duyệt phương án cấm mốc giới và công khai mốc giới hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc mạng lưới trạm KTTV Quốc gia; tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình KTTV.

- Tham gia ý kiến về mục tiêu của các quy hoạch, chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ có liên quan KTTV, BDKH làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xác định nhu cầu về nguồn lực phục vụ nhiệm vụ công tác KTTV, BDKH. Hỗ trợ chuyên môn KTTV giúp các cấp các ngành thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp, xác nhận nguồn gốc của thông tin, dữ liệu KTTV theo qui định của pháp luật.

- Tham gia xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ.

- Thực hiện Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện Kế hoạch này.

u) Cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và đài PTTH Hà Tĩnh.

- Tuyên truyền theo nhiệm vụ của Kế hoạch này. Định kỳ tham gia phổ biến pháp luật và kiến thức về KTTV, BDKH cho toàn bộ hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp.

- Truyền, phát tin dự báo, cảnh báo kịp thời cho nhân dân và doanh nghiệp chủ động phòng, tránh thời tiết cực đoan.

- Đảm bảo các nội dung thông tin phải có sớm hơn mạng xã hội để phòng ngừa các tiêu cực, định hướng dư luận liên quan KTTV đúng theo nhiệm vụ Kế hoạch này.

v) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Triển khai chi tiết Kế hoạch số 51-KH/TU và Kế hoạch này phù hợp tình hình của địa phương, trong đó ưu tiên một số nhiệm vụ sau:

- Tiếp nhận, truyền thông tin dự báo, cảnh báo KTTV nguy hiểm để nhân dân chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là các loại hình thiên tai nguy hiểm như: bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn...

- Lồng ghép các giải pháp ứng phó với BDKH trong các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội theo thẩm quyền.

- Kiểm soát việc sử dụng đúng nguồn thông tin, dữ liệu KTTV có nguồn gốc hợp pháp và việc thực hiện điều tra, khảo sát điều kiện KTTV trong các quy hoạch, chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ. Đối với nội dung đầu tư cho việc ứng phó, phòng chống, khắc phục do nguyên nhân yếu tố KTTV, BDKH gây ra, trước khi triển khai phải phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thẩm định luận cứ

khoa học về tác động của KTTV, BĐKH làm phát sinh sự cần thiết phải triển khai dự án.

- Rà soát tập trung giải quyết dứt điểm các dự án liên quan BĐKH đang dở dang (nếu có) báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý theo quy định.

- Đảm bảo đủ quỹ đất phục vụ cho công tác xây dựng trạm KTTV chuyên dùng, trạm KTTV Quốc gia theo quy hoạch, kế hoạch. Phối hợp trong điều tra khảo sát, cắm mốc giới hành lang kỹ thuật công trình và bảo vệ công trình KTTV theo quy định.

- Triển khai xây dựng, tích hợp Bản đồ ngập lụt lưu vực sông theo thời gian thực cho từng huyện hoặc các đơn vị hành chính cấp huyện. Trường hợp lưu vực sông gồm 2 huyện trở lên thì đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Rà soát phân công nhiệm vụ QLNN lĩnh vực KTTV giữa các phòng ban cấp huyện tránh chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót nhiệm vụ và bố trí đủ nhân lực quản lý nhà nước về công tác KTTV gắn với đề án việc làm.

- Chỉ đạo cấp xã thực hiện tốt công tác KTTV theo thẩm quyền.

- Chủ động bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để phục vụ công tác KTTV.

x) Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ quản lý trạm KTTV chuyên dùng và công trình phải quan trắc KTTV thực hiện cung cấp, xác nhận nguồn gốc của thông tin, dữ liệu KTTV theo lộ trình của Kế hoạch này.

- Các tổ chức, cá nhân quản lý các hồ thủy lợi, thủy điện và các loại hồ chứa nước khác thực hiện vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cung cấp thông tin theo yêu cầu của Đài KTTV tỉnh dữ liệu quan trắc: mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu hồ; lưu lượng nước vào hồ, lưu lượng nước xả về hạ lưu đập; dự tính mực nước hồ; thời gian dự kiến xả lũ; lưu lượng lũ dự kiến xả theo thời gian.

- Các tổ chức liên quan rà soát tập trung giải quyết dứt điểm các dự án liên quan BĐKH đang dở dang báo cáo cơ quan quản lý và Sở Tài nguyên và Môi trường theo lộ trình tại Kế hoạch này.

- Các cơ quan liên quan theo chức năng nhiệm vụ phối hợp, cử chuyên gia hoặc tham gia thẩm định các nội dung chuyên ngành liên quan lĩnh vực KTTV, BĐKH theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan theo nhiệm vụ đã được giao và căn cứ chức năng nhiệm vụ rà soát nội dung nhiệm vụ giải pháp tại Kế hoạch này để ban hành văn bản tổ chức triển khai. Định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các tổ chức chính trị, xã hội và các tổ chức liên quan phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện Kế hoạch; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh biết và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục KTTV;
- Cục BDKH;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ttra, Công an, Bộ CHQS, Hải quan tỉnh;
- Chi cục Thuế các cấp;
- Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh;
- Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- Đài KTTV tỉnh;
- Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Đài PTTH, Báo Hà Tĩnh;
- Văn phòng TT BCH PCTT-TKCN tỉnh;
- Chánh, Phó VP;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, NL1.

Đề
báo
cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Sơn

Phụ lục:
MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2022 của UBND tỉnh)

| <i>TT</i> | <i>Nhiệm vụ cụ thể</i> | <i>Cơ quan chủ trì, đồng chủ trì</i> | <i>Cơ quan phối hợp</i> | <i>Dự kiến nguồn kinh phí</i> | <i>Ước tính kinh phí (tỷ đồng)</i> | <i>Lộ trình thực hiện</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|---|--|------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|---------------------------|---|
| 1 | Tuyên truyền, giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác KTTV | Các cơ quan được giao theo mục Tổ chức thực hiện | Do cơ quan chủ trì xác định | Ngân sách tỉnh | 2,0 | 2022 về sau | |
| 2 | Rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới hoạt động khai thác, sử dụng, chia sẻ, lồng ghép thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH, phân vùng rủi ro thiên tai trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan | Sở TN&MT UBND cấp huyện Cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan | Do cơ quan chủ trì xác định | Ngân sách tỉnh, huyện | | 2022-2030 | Kinh phí chi Thường xuyên |
| 3 | Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng | Sở TN&MT Cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan | Đài KTTV tỉnh và cơ quan liên quan | Ngân sách tỉnh | 25,0 | 2022-2030 | Phân kỳ chi tiết theo Kế hoạch hàng năm |
| 4 | Nâng cấp kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ cho công tác QLNN lĩnh vực KTTV | Sở TN&MT | Sở: KH-CN, TTTT | Ngân sách tỉnh | 5,0 | 2022 - 2025 | |
| 5 | Xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới | Sở TN&MT | Đài KTTV tỉnh và cơ quan liên quan | Ngân sách tỉnh | 5,0 | 2023-2025 | |
| 6 | Đánh giá khí hậu, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH | Sở TN&MT | Các sở ban ngành và UBND cấp huyện | Ngân sách tỉnh | 0,958 | 2021-2022 | Đang thực hiện |
| 7 | Xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn tỉnh quản lý chưa được quy định trong Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ | Sở TN&MT | Đài KTTV tỉnh và cơ quan liên quan | Ngân sách tỉnh | 7,0 | 2021-2023 | Đang lập thiết kế chi tiết |
| 8 | Xây dựng đơn giá phục vụ triển khai nhiệm vụ KTTV | Sở TN&MT | Sở Tài chính | Ngân sách tỉnh | 0,8 | 2022-2030 | |

| | | | | | | | |
|----|---|--|--|------------------------------|----------------|-----------|--|
| 9 | Cắm mốc giới và công khai mốc giới hành lang kỹ thuật công trình KTTV | Đài KTTV tỉnh | Sở TN&MT, UBND cấp huyện, xã liên quan | Ngân sách Trung ương | 14,0 | 2022-2030 | |
| 10 | Xây dựng, tích hợp “Bản đồ ngập lụt lưu vực sông theo thời gian thực” | UBND các huyện | Sở TN&MT và các cơ quan liên quan | Ngân sách tỉnh, huyện | 39,0 | 2022-2030 | Hoặc một số huyện chịu ảnh hưởng |
| 11 | Xây dựng, triển khai các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cơ bản về KTTV, thích ứng với BĐKH trong các bậc học | Các cơ quan được giao theo mục Tổ chức thực hiện | Sở TN&MT và các cơ quan liên quan | Ngân sách TW, ngân sách tỉnh | | 2022-2030 | Ngân sách bố trí phù hợp với việc điều chỉnh chương trình của ngành giáo dục |
| 12 | Ứng dụng khoa học công nghệ trong quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo KTTV | Các cơ quan được giao theo mục Tổ chức thực hiện | Sở TN&MT và các cơ quan liên quan | Ngân sách TW, ngân sách tỉnh | 4,0 | 2022-2030 | |
| 13 | Thanh tra, kiểm tra; đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cơ bản về KTTV cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động | Các cơ quan được giao theo mục Tổ chức thực hiện | Sở TN&MT và các cơ quan liên quan | Ngân sách tỉnh, huyện | | | Kinh phí chi Thường xuyên |
| | Tổng kinh phí có tính chất đầu tư | | | | 102,758 | | |

